TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 8 - 2020
"V/v ly hôn, phân chia nuôi con chung''

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Khang.

2. Ông Nguyễn Văn Chung.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị T Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991, "có mặt".

Nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã V, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc

- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1985, "vắng mặt".

Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2020 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Anh Đ kết hôn với nhau ngày 08/3/2017, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và việc đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh Đ ở Thôn H, xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống chị và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do

vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, gia đình không hạnh phúc. Chị và anh Đ sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền A, sinh ngày 30/12/2018 (hiện nay cháu Anh đang ở cùng chị). Ly hôn chị xin nuôi cháu Huyền A và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Anh Đ trình bày: Anh thừa nhận toàn bộ lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, con chung, thời gian sống ly thân là đúng. Theo anh mâu Tẫn của vợ chồng anh chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức phải căng thẳng để dẫn đến việc ly hôn. Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn. Đề nghị Tòa án cho vợ chồng anh về Đ tụ chung sống với nhau để nuôi dạy con cái, đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho anh chị có thêm thời gian suy nghĩ. Nếu trong trường hợp chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Thị Huyền A, sinh ngày 30/12/2018 (hiện nay các cháu đang ở cùng chị T). Nếu phải ly hôn, anh xin nuôi cháu Huyền A.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, đất nông nghiệp và công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, T thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị T đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; anh Đ chấp hành không đầy đủ nên phải tự chịu trách nhiệm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Anh Đ. Về con chung: Giao cho chị T được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thị Huyền A, sinh ngày 30/12/2018 (hiện nay cháu đang ở cùng chị T); anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn và phân chia nuôi con chung với anh Nguyễn Anh Đ. Bị đơn anh Đ hiện có hộ khẩu và cư

trú tại Thôn Hệ, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

[2] Về nội dung: Chị T và anh Đ đăng ký kết hôn ngày 08/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, tiến bộ vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị T và anh Đ thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị T và anh Đ có rất nhiều mâu Tẫn, nguyên nhân như chị T và anh Đ trình bày do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, gia đình không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Như vậy, có thể thấy mâu Tẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T xin ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình do đó được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền Anh, sinh ngày 30/12/2018 (hiện nay đang ở cùng chị T). Ly hôn cả chị T và anh Đ đều xin được nuôi cháu Anh và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh Đ đều chứng minh được bản thân có chỗ ở, có việc làm ổn định và có T nhập đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, cháu Anh sinh ngày 30/12/2018 hiện còn nhỏ (chưa được 2 tuổi), do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu, cần giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Anh là phù hợp; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị T, anh Đ không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tài sản và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Anh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Huyền A, sinh ngày 30/12/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (Cháu A hiện đang ở với chị T); anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai T tạm ứng án phí số: AA/2017/0004937 ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã V, Vĩnh Tường;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Chung **Nguyễn Viết Khang** **Nguyễn Xuân Trọng**

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã Vĩnh Thịnh, Vĩnh Tường;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Trọng